

Số: 56 /GP-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 10 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh ngày 30/8/2020 và hồ sơ kèm theo; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3551/STNMT-TNN ngày 28/9/2020, kèm theo Báo cáo thẩm định hồ sơ số 3550/TĐHS-STNMT ngày 28/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 51 Phan Chu Trinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được khai thác, sử dụng nước dưới đất, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước cho Trạm cấp nước sinh hoạt xã Bình Trung phục vụ nhu cầu ăn uống và sinh hoạt cho Nhân dân xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Vị trí công trình khai thác nước: Thuộc địa phận thôn Tiên Đào, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước lỗ hồng các thành tạo bồi tích sông tuổi Holocen thượng (qh).

4. Tổng số giếng khai thác: 07 giếng (02 giếng đào; 05 giếng khoan).

5. Tổng lượng nước khai thác: 750 m³/ngày đêm với chế độ khai thác 365 ngày trong năm.

6. Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 108, múi chiều 3 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước
	X (m)	Y (m)			Từ	Đến			
BT1	1691641	580214	125	24	4,5	7,5	4,50	6,00	qh
BT2	1691534	579914	100	24	6,0	10,0	1,49	6,75	qh
BT3	1691532	579922	100	24	6,0	10,0	1,48	6,74	qh
BT4	1691530	579907	100	24	6,0	10,0	1,47	6,74	qh
BT5	1691530	579913	100	24	6,0	10,0	1,50	6,75	qh
BT6	1691518	579926	100	24	6,0	10,0	1,50	6,75	qh
BT7	1691537	579562	125	24	4,5	6,8	1,49	4,15	qh

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc lưu lượng, mực nước, chất lượng nước trong quá trình khai thác và truyền thông tin, số liệu theo quy định để Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng hàng ngày, tháng, năm.

4. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

7. Định kỳ 06 tháng/lần tổng hợp báo cáo gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 30/6 và ngày 30/01 của năm tiếp theo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nước tại công trình.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan.

9. Thực hiện việc bảo vệ nguồn nước trong quá trình khai thác theo quy định.

10. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh Quảng Ngãi được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

1. Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Bình Sơn định kỳ và đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nội dung Điều 1 và Điều 2 Giấy phép này của Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh Quảng Ngãi. Trường hợp phát hiện vi phạm thì xử lý nghiêm theo quy định.

2. Thực hiện việc thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh Quảng Ngãi còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND xã Bình Trung; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- VPUB: PCVP (NN), HCC, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc443).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh